

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/03/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD3+BK5	7:25	22+0+0	0+0+0		20+0+1	0+0+0	CHUYEN 2 TD1- TD3
2		PPD+CNV+P6	7:25	11+6+5	0+0+0		11+5+6	0+0+0	
3		VSP02+CLO	7:25	7+15	0+0		6+16	0+0	
4		PPD+P4+TTC2	7:25	11+11+0	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
5		BK9+PPD	9:25	6+16	0+0		5+17	0+0	
6		AMD	9:25	22	0		22	0	
7		CTK3+VSP02	9:25	19+3	0+0		12+10	0+0	
8		P4+P1+RP3	9:25	5+4+13	0+0+0		4+3+15	0+0+0	CHUYEN 2 P1- RP3
9		PPD+BK14	11:25	9+7	0+0		12+10	0+0	
10		AMD+CTK3	11:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
11		VSP02	11:25	22	0		22	0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT:	TO: TD1 - TD3 - BK5	CREW: VThắng - Thanh - Huy	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM XUAN HIEU	TD1	60	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
2	LE TRONG LUONG	TD1	92	1	2		67	KHOAN	Vietnamese
3	KOROTKOV V.A	TD1	88	1	5		50	KHOAN	Russian
4	NGUYEN THANH LUAN	TD1	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN NHU BANG	TD1	97	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
6	ĐANG VIET KHOI	TD1					75	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN ĐANG KHOA	TD1	95	1	3		65	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN TRUNG ĐỨC	TD1	90	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN TRUONG DUONG	TD1	98	1	3		88	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG TRUNG HIEU*PK-PVD	TD1	99	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN ANH ĐỨC	TD1	93	1	7	20	60	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LANG	TD1	89	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
13	MAI HAI LONG	TD1	58	1	9		75	D-HANH	Vietnamese
14	NIKITIN	TD1	57	1	7		92	ANTOAN	Russian
15	ĐO VAN THAI	TD1					72	DVL	Vietnamese
16	TRAN VAN MANH	TD1					72	DVL	Vietnamese
17	LA MINH TU	TD1	59	1	15		70	DVL	Vietnamese
18	NGUYEN SY TUAN	TD1	61	1	7		75	DVL	Vietnamese
19	DUONG THE ĐỨC	TD1	62	1	10		67	DVL	Vietnamese
20	TRAN ANH VINH	TD1	92	1	8		60	DVL	Vietnamese
21	DUONG TRUNG KIEN	TD1	200	1	9		62	DVL	Vietnamese
22	LE QUANG HA	TD1	94	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	22	19	120	1.552	20	20	2	CHUYEN 01 PAX TU TD1 SANG TD3
2	TD3	0	0	0	0	0	0		
3	BK5	0	0	0	0	40	1		
TOTAL		22	19	120	1.552	60	21		
WEIGHT KG				120	1.552	60			

GRAND TOAL: 1.732 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: PPD - CNV - P6	CREW: Hạnh - Dương - QTrưởng	ETA: 09:15
CAM-1			

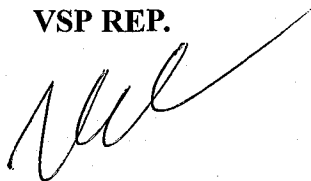
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV	PPD	98	1	6	20	77	KH-THAC	Russian
2	LÊ XUÂN MINH	PPD	26	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	42	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN VĂN THẮNG	PPD	41	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ SỸ KHOA	PPD					73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	97	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	38	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY HOÀNG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH NAM	PPD	43	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH VĂN NHÀ	PPD	39-40	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG NHẬT QUANG	PPD	27	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN ANH HÙNG	CNV	25	1	5	50	77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG MẠNH	CNV	26	1	6		59	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	29	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	27	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGỌC TRI	CNV	28	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ QUANG HẢI	CNV	30	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC TOÀN	P6	06	1	6	18	72	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG CHUNG	P6	33-34	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN SƠN	P6	30-31	2	17		55	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN CÔNG QUYNH	P6	29,900	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
22	LÊ XUÂN VIỆT	P6	99	1	10		62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

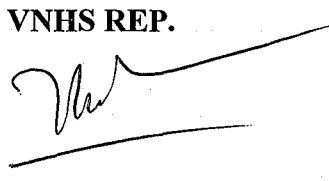
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	10	50	787	20	11		
2	CNV	6	6	46	427	50	5		
3	P6	5	8	73	319	18	6		
TOTAL		22	24	169	1.533	88	22		
WEIGHT KG				169	1.533	88			

GRAND TOAL: 1.790 KGS

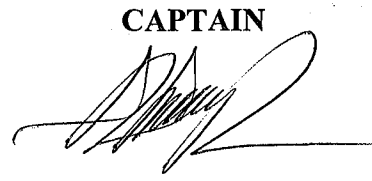
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: VSP02 - CLO	CREW: Nam - NPhú - MQUÂN	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	10	1	10		80	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN VĂN QUÂN	VSP02	08	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
3	GEFTMAN MR	VSP02	09	1	3		105	KH-THAC	Russian
4	NGUYỄN VĂN LINH	VSP02	14-15	2	8		45	YTE	Vietnamese
5	BOGDAN KARPENKO	VSP02	13	1	13		85	KH-THAC	Russian
6	SERGIENKO SE	VSP02	11	1	9		74	KH-THAC	Russian
7	LÊ VĂN HIỆP	VSP02	12	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH SAN	CLO	34	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN HÙNG	CLO	35	1	7	17	70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN CÔNG PHU	CLO	42	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
11	LÀ VIỆT HÙNG	CLO	40	1	7	20	73	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN TUƠNG LONG	CLO	02	1	5		81	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LY	CLO	04	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ĐƯỢC	CLO	01	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN SINH	CLO	39	1	4		64	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH HAI	CLO	41	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN KIM HÙNG	CLO	38	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN BUI QUANG	CLO	03	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ TRUNG SƠN	CLO	33	1	6		73	D-HANH	Vietnamese
20	PHẠM QUANG TRUNG	CLO	32	1	12		80	DVL	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG HOANG	CLO	28-29	2	10		62	DVL	Vietnamese
22	LƯƠNG MẠNH HAI	CLO	30-31	2	16		70	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	7	8	54	529	0	6		
2	CLO	15	17	104	1.093	37	16		
TOTAL		22	25	158	1.622	37	22		
WEIGHT KG				158	1.622	37			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT:	TO: PPD - P4 - TTC2	CREW: LHM - VTHU - ĐANG	ETA: 09:30
trang-1			

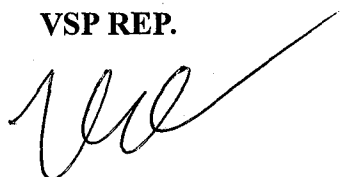
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN VINH	PPD	46	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	47	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	PPD	44	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	53	1	3		60	KHI	Vietnamese
5	OKOVANSEV G.P	PPD	45	1	10		115	KHI	Russian
6	DƯƠNG CHÍ TUYẾN	PPD	51	1	4		65	KHI	Vietnamese
7	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	50	1	8	40	68	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	49	1	5		79	KHI	Vietnamese
9	VÕ VĂN QUYỀN	PPD	52	1	5		70	KHI	Vietnamese
10	NGÔ SỸ THANH	PPD	54	1	3		82	KHI	Vietnamese
11	LÊ ĐỨC THẮNG	PPD	48	1	5		78	KHI	Vietnamese
12	YAKIMENKO V.A.	P4	07	1	7		110	KHI	Russian
13	ZAGYDAEV V.E	P4	08	1	4		79	KHI	Russian
14	PHẠM QUỐC DUY	P4	12	1	3		60	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN NAM	P4					64	KHI	Vietnamese
16	TRẦN VĂN PHÚC	P4	16-17	2	20		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	13-14	2	20		75	KHI	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	10	1	5	20	68	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN LÊ HUY	P4	15	1	7		67	KHI	Vietnamese
20	LÊ VĂN HOÀN	P4	09	1	3		68	KHI	Vietnamese
21	LÊ VĂN MẠNH	P4	18	1	4		58	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

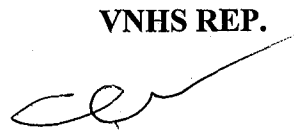
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	11	56	821	40	7		
2	P4	10	11	73	719	20	10		
3	TTC2	0	0	0	0	60	5		
TOTAL		21	22	129	1.540	120	22		
WEIGHT KG				129	1.540	120			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: BK9 - PPD	CREW: Lhài - VTHU - ĐANG	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LƯU VĂN SƠN	BK9					75	KH-THAC	Vietnamese
2	VÕ THÈ HẬU	BK9					70	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG TUẤN ANH	BK9	48	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO ĐỨC THĂNG	BK9	47	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC KHANH	BK9				90	57	PSV	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HỮU	BK9	46	1	6		64	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	66	1	7		75	KHI	Vietnamese
8	HÀ THÈ BẢO	PPD					78	KHI	Vietnamese
9	LƯƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	73	1	6		63	KHI	Vietnamese
10	LÊ THANH TRUNG	PPD	69	1	3		66	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	74	1	8		75	KHI	Vietnamese
12	VŨ VĂN SÔNG	PPD	67	1	3		74	KHI	Vietnamese
13	VŨ NGỌC TUẤN	PPD	72	1	3		85	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG NAM	PPD	63	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	71	1	5		80	KHI	Vietnamese
16	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	68	1	6		70	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN THÈ HÙNG	PPD					74	KHI	Vietnamese
18	NGÔ XUÂN HUƠNG	PPD	70	1	3		72	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH HOANG	PPD	64	1	5		68	KHI	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HUNG	PPD	65	1	5		54	KHI	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	75	1	4		72	KHI	Vietnamese
22	NGUYỄN ANH SƠN	PPD	76	1	7		64	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	6	3	20	413	90	5		
2	PPD	16	14	70	1.135	0	17		
TOTAL		22	17	90	1.548	90	22		
WEIGHT KG				90	1.548	90			

GRAND TOAL: 1.728 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 06	TO: AMD	CREW: Hạnh - Dương - QTrưởng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	THAN CANH THINH	AMD	61-62	2	15	25	74	TLJOC	Vietnamese
2	PHAN THANH NGOAN	AMD	96-97	2	16		87	KH-THAC	Vietnamese
3	VU MANH HA	AMD	98	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH VAN PHA	AMD	94	1	3	8	62	KH-THAC	Vietnamese
5	VI TRAN TAN THUAN	AMD	99-60	2	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VAN HUONG	AMD	91	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ANH DUY	AMD	76	1	12		58	KH-THAC	Vietnamese
8	TRAN LE HOA	AMD	600	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN HIEU THAO	AMD	77	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
10	YA LOC	AMD	75	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN NGOC PHUC	AMD	87-88	2	11		72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN BA QUAN	AMD	85-86	2	13		80	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN PHANG	AMD	81	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
14	VO TRUNG HIEU	AMD	83	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN TRUNG KIEN	AMD	93	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN DUC NHA	AMD	80	1	7		54	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HUU DANG	AMD	95	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
18	VU VIET THANG	AMD	78-79	2	11		66	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN DUY PHUONG	AMD	82	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN TRAN QUOC KHANG	AMD	89-90	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH TAN	AMD	74	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN NGOC THU	AMD	84	1	6		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	22	29	199	1.542	33	22		
TOTAL		22	29	199	1.542	33	22		
WEIGHT KG				199	1.542	33			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: CTK3 - VSP02	CREW: VThắng - Thanh - Huy	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM XUÂN HÒA	CTK3	65	1	6		76	YTE	Vietnamese
2	TRAN NGOC BINH	CTK3	77	1	5		70	VNHS	Vietnamese
3	SMIRNOV	CTK3	74	1	5		100	KH-THAC	Russian
4	HOANG THANH HOA	CTK3	70	1	7		59	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI TIEN DUNG	CTK3	62	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG XUAN HIEU	CTK3	72-73	2	15		60	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN DUC HUNG	CTK3	68	1	8		47	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN HOANG SON	CTK3	71	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN ANH DUC	CTK3	61	1	4		73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐÀO THE HUNG	CTK3	75	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI VAN BAC	CTK3	67	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐO VAN TRI	CTK3	58	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LY BANG	CTK3	64,69	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH QUANG HOAN	CTK3					66	KH-THAC	Vietnamese
15	HOANG VIET HUNG	CTK3	59	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
16	VÔ NGOC CHINH	CTK3	66	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOAN NGOC THUONG	CTK3	76	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI MINH HAI	CTK3	63	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG THIỀU THANH	CTK3	60	1	10		84	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN MINH TUẤN THỊNH	VSP02	16-17	2	7		88	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG NGOC ĐONG	VSP02	18	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOAN THANH MAI	VSP02	19	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	19	20	120	1.342	0	12		
2	VSP02	3	4	20	219	0	10		
TOTAL		22	24	140	1.561	0	22		
WEIGHT KG				140	1.561	0			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 07	TO: P4 - P1 - RP3	CREW: Nam - VLinH - MQUÂN	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ QUANG VINH	P4	36	1	9		74	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TIẾN	P4	24	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ THĂNG	P4	22-23	2	12		90	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC BÌNH	P4	21	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐỨC CHÍNH	P4	20	1	4		65	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	P1	44	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN XUÂN LANH	P1	42	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ HỮU CHUNG	P1	43	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ VIỆT THANH	P1	41	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
10	REVIKIN V.N	RP3	95	1	10		97	KHI	Russian
11	PANKRATOV P.E	RP3	96	1	7		90	KHI	Russian
12	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	92-93	2	10		77	KHI	Vietnamese
13	HÀ VĂN THUY	RP3	89	1	6		73	KHI	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KÝ	RP3	86	1	2		68	KHI	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC KHANH	RP3					85	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐÓN LONG	RP3	99	1	5		65	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	91	1	4	40	60	KHI	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN HAI	RP3	94	1	7		63	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3					77	KHI	Vietnamese
20	NGO NGOC HAN	RP3	90	1	7		60	KHI	Vietnamese
21	PHẠM NGỌC GIAO	RP3	88	1	6		52	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TẤT LỘC	RP3	87	1	5		52	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

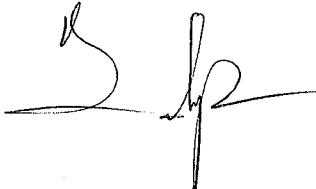
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	5	6	40	382	0	4		CHUYEN 2 PAX P1 SANG RP3.
2	P1	4	4	31	262	0	3	2	
3	RP3	13	12	69	919	40	15		
TOTAL		22	22	140	1.563	40	22		
WEIGHT KG				140	1.563	40			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

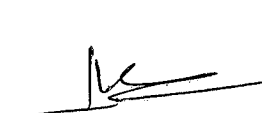
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 09	TO: PPD - BK14	CREW: VThắng - MTuấn - Huy	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI THANH	PPD	32	1	3		65	KHI	Vietnamese
2	TRAN VAN THANH	PPD	29	1	6		57	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC KHUYEN	PPD	28	1	5		75	KHI	Vietnamese
4	LE TRUNG LAN	PPD	33	1	4		84	KHI	Vietnamese
5	DUONG TRUONG LAM	PPD	34	1	5		65	KHI	Vietnamese
6	TO QUANG HUY	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NGOC CU	PPD	31	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
8	NGO SACH ĐỨC	PPD	35	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
9	DUONG PHAT	PPD	30	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
10	AKOVNOP	BK14	53	1	8	80	80	KH-THAC	Russian
11	LE ANH TUAN	BK14	54	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DINH THINH	BK14	51	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
13	TRAN HUU TRUNG	BK14	55	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VIET LONG	BK14	56	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM NGOC NINH	BK14	52	1	5		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN MANH TIEN	BK14	62	1	5		56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

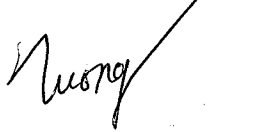
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	9	8	44	636	0	12		
2	BK14	7	7	40	502	80	10		
TOTAL		16	15	84	1.138	80	22		
WEIGHT KG				84	1.138	80			

GRAND TOAL: 1.302 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:35
FLIGHT: 10	TO: AMD - CTK3	CREW: Hạnh - XHOÀN - Toan	ETA: 13:15
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	65	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN MANH HA	AMD	66	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐAO NGUYEN DU MAC	CTK3	86	1	6	16	60	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐO TRONG LUONG	CTK3	82-83	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
5	DANG XUAN THANG	CTK3	99,600	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN VAN CHU	CTK3	80-81	2	15		59	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN NGHIA TIN	CTK3	89	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN THANH	CTK3	88	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG CHUONG	CTK3	96	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN THIEN TOAN	CTK3	91	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	97	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN PHUC PHUONG	CTK3	92	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					60	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	95	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÀM VĂN QUANG	CTK3	93	1	10		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ HỮU CHÍNH	CTK3	90	1	11		62	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN VĂN CỎ	CTK3	94	1	9		50	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ NGỌC ANH	CTK3	98	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN TOÀN	CTK3	87	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN VĂN HỌC	CTK3	84	1	15		84	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	2	2	12	139	0	1		
2	CTK3	18	20	154	1.211	16	21		
TOTAL		20	22	166	1.350	16	22		
WEIGHT KG				166	1.350	16			

GRAND TOAL: 1.532 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/03/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:40
FLIGHT:	TO: VSP02	CREW: Nam - V Linh - DTùng	ETA: 13:20
CAM-3			

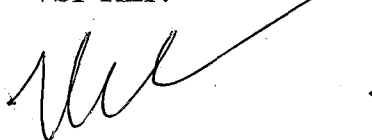
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	34	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	31	1	6		98	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN XUÂN TRƯỞNG	VSP02	33	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG VIỆT THANH	VSP02	42	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	32	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ SĨ KHÔI	VSP02	22	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LƯƠNG HÀ	VSP02	41	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN GIA KHÁNH	VSP02	28	1	9	20	74	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02					78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	36	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	38	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	20-21	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐO DUY HOAN	VSP02	39-40	2	9		82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐO VĂN PHÚ	VSP02	23	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG QUANG TUYẾN	VSP02	24	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	26	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	35	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY THÔNG	VSP02	30	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG QUÂN	VSP02	37	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ VINH	VSP02	25	1	3		76	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN BÌNH THUẬN	VSP02	27	1	6		65	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

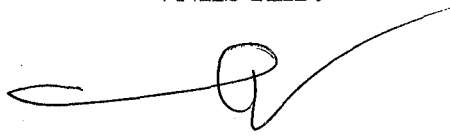
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	22	22	115	1.594	20	22		
	TOTAL	22	22	115	1.594	20	22		
	WEIGHT KG			115	1.594	20			

GRAND TOAL: 1.729 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

